TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS-ST
Ngày 28/9/2020
V/v "*Tranh chấp họ, hụi, biêu, phường"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK - TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Khắc Trung.

2. Ông Y Krang Jie.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lý - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp họ, hụi, biêu, phường" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-DS ngày 18/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thúy H; địa chỉ: Thôn Xí Nghiệp, xã Đắk Liêng, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk – (có mặt);

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ A; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk – (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 27/3/2019, các bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thúy H trình bày:*

Qua sự quen biết, giới thiệu của bà Nguyễn Thị Thúy H, bà Nguyễn Thị Mỹ A đã tham gia các dây huê do bà Trần Thị Thúy H làm chủ huê; sau khi đã được lĩnh huê từ tháng 02/2019 bà Mỹ A ngưng góp huê và còn tranh chấp các khoản góp huê như sau:

Dây huê tháng mở ngày 05/7/2017, gồm 30 phần, mỗi phần trị giá 2.000.000 đồng, đến ngày 05/12/2019 là kết thúc dây huê. Dây huê này, bà Mỹ A đã góp được 03 kỳ "huê sống"; đến kỳ tháng 10/2017, bà Mỹ A được lĩnh huê với mức lãi là 650.000 đồng/tháng, số tiền lĩnh huê 42.450.000 đồng. Sau lĩnh huê, bà Mỹ A đã góp "huê chết" mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 11/2017 đến tháng 01/2019 thì ngưng góp huê. Như vậy, bà Mỹ A đã góp được 15 tháng và còn nợ 11 tháng x 2.000.000 đồng/tháng = 22.000.000 đồng.

Dây huê tháng mở ngày 05/01/2018, gồm 42 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng; đến tháng 6/2021 mới kết thúc dây huê. Tháng 02/2018, bà Mỹ A được lĩnh huê với mức lãi là 580.000 đồng/tháng, số tiền lĩnh huê là 60.220.000 đồng. Sau lĩnh huê, bà Mỹ A đã góp "huê chết" mỗi tháng 2.000.000 đồng từ tháng 03/2018 đến tháng 01/2019 thì ngưng góp huê. Như vậy, bà Mỹ A đã góp được 11 tháng và còn nợ 29 tháng x 2.000.000 đồng = 58.000.000 đồng.

Dây huê tháng mở ngày 05/12/2018, gồm 20 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng; đến tháng 7/2020 mới kết thúc dây huê. Tháng 01/2019 bà Mỹ A được lĩnh huê với mức lãi là 450.000 đồng/tháng, số tiền lĩnh 31.450.000 đồng. Sau lĩnh huê, bà Mỹ A chưa góp được tháng nào. Như vậy, bà Mỹ A còn nợ tiền góp huê 18 tháng x 2.000.000 đồng = 36.000.000 đồng.

Nay, bà Trần Thị Thúy H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Mỹ A còn phải góp huê của cả ba dây huê tổng cộng là 116.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi chậm góp huê H tháng.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ A trình bày:*

Bà Mỹ A thừa nhận toàn bộ nội dung liên quan đến các dây huê trên; tuy nhiên, bà cho rằng tiền huê là góp theo H tháng nên bà chỉ trả theo H tháng, các dây huê trên bà chỉ nợ từ tháng 02/2019 nhưng bà H đã làm đơn kiện nên bà không chấp nhận trả nợ huê theo yêu cầu của bà H đưa ra. Theo thông thường, nếu người chơi chưa góp huê H tháng thì chủ huê phải bỏ tiền góp thay và đến khi chấm dứt dây huê, chủ huê mới được đòi nợ; do đó, bà Mỹ A cho rằng bà H chưa có quyền khởi kiện đòi nợ tiền đóng huê.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Lắk thụ lý giải quyết lại, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và không tiến hành phiên hoà giải được.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk phát biểu ý kiến:* Tòa án nhân dân huyện Lắk thụ lý vụ án về quan hệ pháp luật "Tranh chấp họ, hụi, biêu, phường" giữa nguyên đơn bà Trần Thị Thúy H với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ A là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hòa giải và chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết

vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ A không đến phiên tòa theo giấy triệu nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thúy H: Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ A phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thúy H tổng số tiền là 116.000.000 đồng.

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Bà Trần Thị Thúy H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Mỹ A phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền là 116.000.000 đồng. Đây là "Tranh chấp họ, hụi, biêu, phường" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắk theo điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung tranh chấp*: Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Vào các năm 2017, 2018 bà Mỹ A tham gia các dây huê (dây hụi, họ, biêu, phường) do bà H làm chủ. Sau khi lĩnh huê, bà Mỹ A không góp các phần huê chưa góp cho chủ huê, dẫn đến các bên tranh chấp.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 471 của Bộ luật dân sự thì "*Việc tổ chức họ có lãi thì mức lãi suất phải tuân theo quy định của Bộ luật này*" và tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định thì lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, thì lãi suất trong họ có lãi do từng thành viên đưa ra tại mỗi kỳ mở họ nhưng không được vượt quá 20%/năm của tổng giá trị các phần họ phải góp, trừ đi giá trị các phần họ đã góp trên thời gian còn lại của dây họ. Trường hợp lãi suất đưa ra vượt quá quy định, thì phần vượt quá không có hiệu lực. Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét lại lãi suất các bên đã thỏa thuận cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với ông Lê Thanh T, tại thời điểm trên quan hệ giữa ông T và bà Mỹ A là vợ chồng, do đó thu nhập hợp pháp cũng như nợ của vợ chồng để đáp ứng

nhu cầu thiết yếu của gia đình trong thời kỳ hôn nhân là khoản thu nhập chung và nợ chung. Tại biên bản lấy lời khai, làm việc với ông T, ông T cho rằng ông hoàn toàn không biết bà Mỹ A có nợ của bà Trần Thị Thúy H, mọi sinh hoạt hàng ngày không có sự kiện gì để phải đi vay hoặc lĩnh huê nên ông T không biết. Còn bà Mỹ A cho rằng, khi chơi huê, vay mượn tiền không cho người nhà và chồng biết, số tiền có được bà dùng để bán hàng đa cấp trên mạng, do buôn bán thất bại nên đến nay chưa trả được các khoản nợ trên. Tại Quyết định số 12/2019/QĐST-VHNGĐ ngày 19/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Lắk quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị Mỹ A. Vì vậy, Tòa án không đưa ông T tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại các bản tự khai, biên bản làm việc và hòa giải, các bên đã thừa nhận những nội dung liên quan đến các khoản lĩnh huê, các khoản nợ góp huê (trả góp gốc và lãi hàng tháng), thời gian diễn ra các giao dịch liên quan, số tiền đã nhận, số tiền đã trả nên những tình tiết này là không phải chứng minh theo khoản 2, 3 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà Mỹ A cho rằng, tiền huê góp hàng tháng nên phải trả theo hàng tháng, không chấp nhận nghĩa vụ thanh toán một lần như yêu cầu của chị H đưa ra.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc hai bên thiết lập quan hệ họ, hụi, biêu, phường là hoàn toàn tự nguyện và đúng các quy định pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Nay, bà Mỹ A đã vi phạm nghĩa vụ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ A phải trả cho bà Trần Thị Thúy H số tiền còn phải góp huê của cả ba dây huê tổng cộng 116.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Số tiền vay gốc và lãi suất, cụ thể như sau:

* Đối với dây huê thứ nhất mở ngày 05/7/2017, gồm 30 phần (cả chủ huê), giá trị 01 phần huê là 2.000.000 đồng, như vậy:

Tổng giá trị các phần huê phải góp là 29 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ = 58.000.000 đồng;

Kỳ huê đã góp là 03 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ = 6.000.000 đồng;

Mức lãi thỏa thuận 650.000 đồng/tháng x 12 tháng = 7.800.000 đồng/năm : 52.000.000 đồng x 100 % = 15%/năm (phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự).

Đóng huê được 03 kỳ, đến kỳ thứ 04 (tháng 10/2017) bà Mỹ A lĩnh huê được 42.450.000 đồng và bà Mỹ A đã đóng "huê chết" mỗi tháng 2.000.000 đồng từ tháng 11/2017 đến tháng 01/2019 thì không đóng nữa. Như vậy, số tiền "huê chết" mà bà Mỹ A chưa đóng là 11 kỳ x 2.000.000 đồng = 22.000.000 đồng.

* Dây huê thứ hai mở ngày 05/01/2018, gồm 42 phần (cả chủ huê), mỗi phần là 2.000.000 đồng, như vậy:

Tổng giá trị các phần huê phải góp là 41 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ =

82.000.000 đồng;

Kỳ huê đã góp là 01 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ = 2.000.000 đồng;

Mức lãi thỏa thuận 580.000 đồng/tháng x 12 = 6.960.000 đồng/năm : 80.000.000 đồng x 100 % = 8,7%/năm (phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự).

Đóng huê được 01 kỳ, đến kỳ thứ 02 (tháng 02/2018) bà Mỹ A lĩnh huê được 60.220.000 đồng và bà Mỹ A đã đóng "huê chết" mỗi tháng 2.000.000 đồng từ tháng 3/2018 đến tháng 01/2019 thì không đóng nữa. Như vậy, số tiền "huê chết" mà bà Mỹ A chưa đóng là 29 kỳ x 2.000.000 đồng = 58.000.000 đồng (trong đó chưa đóng "huê chết" đến ngày xét xử 20 kỳ = 40.000.000 đồng và tiền huê chậm đóng 09 kỳ x 2.000.000 đồng = 18.000.000 đồng).

* Dây huê thứ ba mở ngày 05/12/2018, gồm 20 phần (cả chủ huê), mỗi phần 2.000.000 đồng, như vậy:

Tổng giá trị các phần huê phải góp là 19 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ = 38.000.000 đồng;

Kỳ huê đã góp là 01 kỳ x 2.000.000 đồng/kỳ = 2.000.000 đồng;

Mức lãi thỏa thuận 450.000 đồng/tháng x 12 = 6.960.000 đồng/năm : 36.000.000 đồng x 100 % = 15%/năm (phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự))

Chưa đóng được kỳ huê nào, đến kỳ thứ 02 (tháng 01/2019) bà Mỹ A lĩnh huê được 31.450.000 đồng. Như vậy, số tiền "huê chết" mà bà Mỹ A chưa đóng là 18 kỳ x 2.000.000 đồng = 36.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền chậm góp huê cả ba dây huê là 116.000.000 đồng. Trong đó: (tiền huê chậm góp tính đến ngày xét xử là 98.000.000 đồng; Tiền huê chưa đến hạn của dây huê ngày 05/01/2018 là 18.000.000 đồng).

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thúy H.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ A có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thúy H tổng số tiền chậm góp huê tính đến ngày xét xử là 98.000.000 đồng (chín mươi tám triệu đồng).

2. Đối với dây huê ngày 05/01/2018, hàng tháng kể từ ngày 05/10/2020 đến ngày 05/6/2021, bà Nguyễn Thị Mỹ A có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Thúy H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi đủ 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng).

Tổng cộng hai khoản là 116.000.000 đồng (một trăm mười sáu triệu đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015,

* Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ A phải chịu 5.800.000 đồng (năm triệu tám trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị Thúy H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 3.352.000 đồng (ba triệu ba trăm năm mươi hai ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số AA/2017/0013508 ngày 28/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THA dân sự huyện Lắk;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Huỳnh Thành